



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,  
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân,  
thành phố Hà Nội

Mã số DN: 0100106440

Số: 124 /2021/LICOGI-CBTT

V/v CBTT Báo cáo tài chính riêng giữa  
niên độ (đã được soát xét)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**  
Địa chỉ trụ sở chính: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
Điện thoại: 043 8542 365  
Fax: 043 8542 655  
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Thanh Hải  
Địa chỉ: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh  
Xuân, thành phố Hà Nội  
Điện thoại: 0905955896  
Loại thông tin công bố:  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  
 định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

Tổng công ty LICOGI-CTCP công bố thông tin về Báo cáo Tài chính riêng giữa  
niên độ (đã được soát xét), cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**(Có Báo cáo chi tiết kèm theo).**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty vào  
ngày 27/8/2021 tại đường dẫn: <http://www.licogi.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn  
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như đề gửi;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGD (để biết);
- Lưu VP HĐQT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP**



**Phan Thanh Hải**

Số: 272./CV-LICOGI

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau Thuế  
TNDN 6 tháng đầu năm 2021- BCTC riêng  
đã soát xét so so với cùng kỳ năm trước

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước**  
**- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện Theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán”, Tổng Công ty LICOGI-CTCP giải trình kết quả kinh doanh của Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2021 đã soát xét như sau:

Nội dung	ĐVT	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020	Biến động (%)
Doanh thu hoạt động kinh doanh và Doanh thu hoạt động tài chính	Tr. đồng	277.660	131.764	110,7%
Tổng chi phí	Tr. đồng	274.295	144.463	90%
Thu nhập khác	Tr. đồng	6		100%
Chi phí khác	Tr. đồng	8.344	11.094	-25%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	(4.974)	(23.793)	79%
Thuế TNDN	Tr. đồng	-	-	
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	(4.974)	(23.793)	79%

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2021 đã soát xét tăng 18,8 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước là do:

- Tổng doanh 6 tháng đầu năm 2021 tăng 110,7% tương đương 145 tỷ đồng, tương ứng tổng chi phí tăng 90% tương đương 129 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

- Chi phí khác 6 tháng đầu năm 2021 giảm 2,7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước là do giảm chi phí khấu hao máy ngừng nghỉ và một số các khoản phạt.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như đề gửi;
- Lưu VP HĐQT, TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC *Phan Thanh Hải*



*Phan Thanh Hải*

**TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP**

CV số: 374/CT-Licogi

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau Thuế  
TNDN 6 tháng đầu năm 2021- BCTC riêng  
đã soát xét so với số liệu trước kiểm toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 2 tháng 8 năm 2021

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước**  
**- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng Công ty LICOGI-CTCP giải trình kết quả kinh doanh của Báo cáo tài chính riêng bán niên 2021 đã soát xét như sau:

Nội dung	ĐVT	Số liệu 6th 2021 trước kiểm toán	Số liệu 6th 2021 sau kiểm toán	Biến động (%)
Doanh thu hoạt động kinh doanh và Doanh thu hoạt động tài chính	Tr. đồng	232.162	232.162	
Doanh thu hoạt động tài chính		44.985	45.498	1,1%
Tổng chi phí	Tr. đồng	274.295	274.295	
Thu nhập khác	Tr. đồng	6	6	
Chi phí khác	Tr. đồng	8.344	8.344	
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	(5.487)	(4.974)	-10,3%
Thuế TNDN	Tr. đồng	-	-	
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	(5.487)	(4.974)	10,3%

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng bán niên đã soát xét tăng 10,3% tương ứng 513 triệu đồng là do:

- Sau kiểm toán soát xét hạch toán bổ sung doanh thu hoạt động tài chính (thu cổ tức năm 2020 của Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9).

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như đề gửi;
- Lưu VPHĐQT, TCKT

**TỔNG GIÁM ĐỐC** *B2*



*Phan Thanh Hải*

Số: 375 /CV-LICOGI

V/v: Ý kiến kiểm toán ngoại trừ BCTC riêng  
đã soát xét 6 tháng đầu năm 2021

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán”, ngày 27/8/2021 Tổng Công ty Licogi-CTCP đã thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán quốc tế. Trên báo cáo tài chính soát xét, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ trên các cơ sở sau:

Đến thời điểm 01 tháng 01 năm 2017, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 282,58 tỷ đồng. Trong đó, chi phí lãi vay được ghi nhận vào khoản mục “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn” liên quan đến hạng mục hạng mục lô CT7 - Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt là 10,8 tỷ đồng, phần chi phí lãi vay vốn hóa còn lại với giá trị 271,78 tỷ đồng đã được Tổng Công ty - Công ty mẹ dùng là một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi trong năm 2016. Tính đến thời điểm bàn giao dự án này vào ngày 20 tháng 07 năm 2016 cho công ty con, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án này với tổng giá trị lũy kế là 271,6 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu nhập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào Dự án này theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay (CMKTVN số 16).

Trong năm 2017, Tổng Công ty sử dụng chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt - hạng mục CT7 với giá trị lũy kế là 10,8 tỷ đồng làm một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2.

Đến thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2021, Tổng Công ty đã vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay giải ngân với mục đích tài trợ cho dự án hoặc thanh toán nợ gốc cho dự án là 72,99 tỷ đồng vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số V.5).

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh hoặc phục vụ dự án với giá trị vốn hóa là 31,3 tỷ đồng vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số V.5).

Vi dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên Chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - chi phí đi vay (VAS16). Do vậy chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các khoản mục “Đầu tư vào công ty con”, “Phải thu ngắn hạn khác” tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 liên quan đến dự án này hay không.

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi không thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng cho Ban Quản lý dự án KĐTMT Thịnh Liệt với giá trị khoảng 55 tỷ đồng. Tổng công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng. Nếu Tổng công ty thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/TT-BTC thì khoản mục “Đầu tư tài chính dài hạn” và “Lợi nhuận kế toán sau thuế chưa phân phối” tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 sẽ



giảm đi tương ứng khoảng 55 tỷ đồng.

**Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty kiểm toán liên quan đến dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt:**

Dự án khu đô thị Thịnh Liệt được Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ra quyết định cấp phép đầu tư xây dựng vào ngày 17/09/2007 cho Tổng Công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng sau đó được chuyển giao lần lượt cho Tổng Công ty Licogi-CTCP và Công ty TNHH MTV Nhà ở và đô thị Licogi. Các chi phí lãi vay vốn hóa liên quan trực tiếp đến dự án này tuy nhiên dự án kéo dài vì các yếu tố khách quan, đến thời điểm hiện tại dự án vẫn đang trong quá trình đền bù giải phóng mặt bằng và tiếp tục thực hiện trong thời gian tới nên Tổng Công ty vẫn tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay liên quan đến dự án này mà không tạm dừng vốn hóa chi phí lãi vay. Đồng thời khi thành lập các Công ty con là Công ty TNHH MTV nhà ở đô thị Licogi và Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 Tổng Công ty xác định các chi phí lãi vay vốn hóa này là một phần tài sản góp vốn khi thành lập công ty con.

Đối với khoản trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty con- Công ty TNHH MTV Nhà ở đô thị Licogi do Công ty con này chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với các khoản tạm ứng cho Ban quản lý dự án. Do các khoản tạm ứng này Công ty con đang phối hợp với các bên có liên quan để thu hồi các khoản tạm ứng này nên Công ty con chưa trích lập dự phòng phải thu đối với khoản tạm ứng này. Mặt khác, trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, chúng tôi đã trích lập dự phòng khoản tạm ứng này khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề này được khắc phục khi Công ty nhà thực hiện kinh doanh dự án, có lợi nhuận và Tổng công ty thu hồi được vốn đã đầu tư.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung các thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như đề gửi;
- Lưu TCKT, VP HĐQT

TỔNG GIÁM ĐỐC *Phan Thanh Hải*



*Phan Thanh Hải*



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỲ KẾ TOÁN 06 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2021**

---

Tháng 8 năm 2021



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 43



## TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty LICOGI - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

1. Ông Đinh Việt Tùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. Ông Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch
3. Ông Nguyễn Thanh Hợp	Ủy viên
4. Ông Nguyễn Danh Quân	Ủy viên
5. Ông Ưng Tiến Đỗ	Ủy viên

#### Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Phan Thanh Hải	Tổng Giám đốc
2. Ông Phan Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc
3. Bà Phan Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc

#### Ban Kiểm soát

1. Bà Nguyễn Thị Khánh Phương	Trưởng ban
2. Bà Nguyễn Thu Trang	Thành viên
3. Bà Kiều Bích Hoa	Thành viên

#### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Phan Thanh Hải - Tổng Giám đốc.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.




**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



**Phan Thanh Hải**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2021

77  
N  
M  
O  
J

Số: 082701/2021/BCSX-iCPA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty LICOGI - CTCP

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty LICOGI - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 27 tháng 08 năm 2021, từ trang 7 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty LICOGI - CTCP chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Đến thời điểm 01 tháng 01 năm 2017, Tổng công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 282,58 tỷ đồng. Trong đó, chi phí lãi vay được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" liên quan đến hạng mục hạng mục lô CT7 - Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt là 10,8 tỷ đồng, phần chi phí lãi vay vốn hóa còn lại với giá trị 271,78 tỷ đồng đã được Tổng công ty - Công ty mẹ dùng là một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi trong năm 2016. Tính đến thời điểm bàn giao dự án này vào ngày 20 tháng 07 năm 2016 cho công ty con, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án này với tổng giá trị lũy kế là 271,6 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu nhập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào Dự án này theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay (CMKTVN số 16).

Trong năm 2017, Tổng Công ty sử dụng chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt - hạng mục CT7 với giá trị lũy kế là 10,8 tỷ đồng làm một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2.

Đến thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2021, Tổng Công ty đã vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay giải ngân với mục đích tài trợ cho dự án hoặc thanh toán nợ gốc cho dự án là 72,99 tỷ vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số V.5).

12: 31 4H 10: 12

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

### **Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)**

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh hoặc phục vụ dự án với giá trị vốn hóa là 31,3 tỷ đồng vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số V.5).

Vì dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - chi phí đi vay (VAS16). Do vậy chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các khoản mục "Đầu tư vào công ty con", "Phải thu ngắn hạn khác" tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 liên quan đến dự án này hay không.

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi không thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng cho Ban Quản lý dự án KĐTMT Thịnh Liệt với giá trị khoảng 55 tỷ đồng. Tổng công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng. Nếu Tổng công ty thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/TT-BTC thì khoản mục "Đầu tư tài chính dài hạn" và "Lợi nhuận kế toán sau thuế chưa phân phối" tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 sẽ giảm đi tương ứng khoảng 55 tỷ đồng.

### **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ" chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là 391.815.077.564 đồng, tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 1.013.313.622.649 đồng. Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Báo cáo tài chính kèm theo không bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào phát sinh từ vấn đề không chắc chắn này.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà Nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi - CTCP thì giá trị phần vốn Nhà Nước chưa bao gồm giá trị chi phí cơ hội của Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt. Việc xác định giá trị chi phí cơ hội của Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt được thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ tài chính. Tổng Công ty có trách nhiệm nộp giá trị chi phí cơ hội của dự án này về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**Vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 bao gồm công ty mẹ và các công ty con. Người sử dụng báo cáo tài chính của Tổng Công ty nên đọc các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 để có đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh nêu trên



**Khúc Đình Dũng**

**Tổng Giám đốc**

Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0748-2018-072-01

*Thay mặt và đại diện cho*

**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)**

*Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2021*

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ (iCPA)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

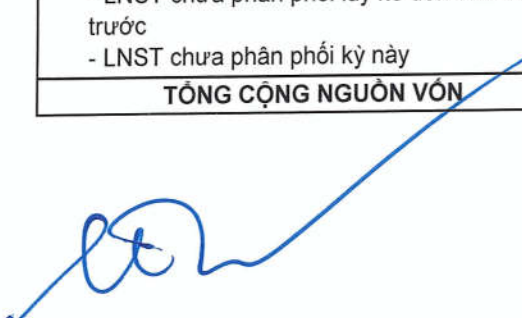
Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>988.724.758.668</b>	<b>930.570.905.612</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>1.687.155.275</b>	<b>17.715.260.358</b>
1. Tiền	111		1.687.155.275	17.715.260.358
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>922.134.302.452</b>	<b>852.608.195.502</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	353.379.644.253	367.338.107.726
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	78.969.140.487	63.078.886.966
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	193.203.623.180	193.203.623.180
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	394.095.540.926	326.501.224.024
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(97.513.646.394)	(97.513.646.394)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.7	<b>48.599.897.431</b>	<b>45.438.345.148</b>
1. Hàng tồn kho	141		49.467.118.756	46.305.566.473
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(867.221.325)	(867.221.325)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16.303.403.510</b>	<b>14.809.104.604</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	337.219.292	621.385.327
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.658.244.077	13.879.727.179
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18a	307.940.141	307.992.098
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.937.695.264.925</b>	<b>1.946.264.043.691</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>117.543.803.364</b>	<b>127.409.083.954</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	117.543.803.364	127.409.083.954
- Nguyên giá	222		455.136.241.865	456.493.607.027
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(337.592.438.501)	(329.084.523.073)
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>1.357.365.162</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		1.357.365.162	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>14.844.918.305</b>	<b>14.844.918.305</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.9	4.589.571.314	4.589.571.314
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	10.255.346.991	10.255.346.991
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.803.778.029.660</b>	<b>1.803.778.029.660</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	1.443.580.147.489	1.443.580.147.489
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	356.363.654.969	356.363.654.969
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	59.260.545.400	59.260.545.400
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(56.926.318.198)	(56.926.318.198)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.15	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>171.148.434</b>	<b>232.011.772</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	171.148.434	232.011.772
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.926.420.023.593</b>	<b>2.876.834.949.303</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.418.235.101.157</b>	<b>2.363.676.205.889</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.002.038.381.317</b>	<b>1.947.722.681.346</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	460.271.451.458	472.374.493.784
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	177.621.197.922	178.950.628.560
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18b	48.254.915.007	47.495.400.068
4. Phải trả người lao động	314		10.303.250.901	10.191.979.416
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	240.975.125.502	207.399.906.030
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	73.492.106.089	66.854.708.590
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21	990.833.712.194	964.168.942.654
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		286.622.244	286.622.244
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>416.196.719.840</b>	<b>415.953.524.543</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.736.719.840	1.493.524.543
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	225.000.000.000	225.000.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22	189.460.000.000	189.460.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>508.184.922.436</b>	<b>513.158.743.414</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.23	<b>508.184.922.436</b>	<b>513.158.743.414</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		900.000.000.000	900.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		900.000.000.000	900.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(391.815.077.564)	(386.841.256.586)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(386.841.256.586)	(391.469.841.344)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(4.973.820.978)	4.628.584.758
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.926.420.023.593</b>	<b>2.876.834.949.303</b>

  
 Trần Thị Thu Hằng  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Anh Dũng  
 Kế toán trưởng

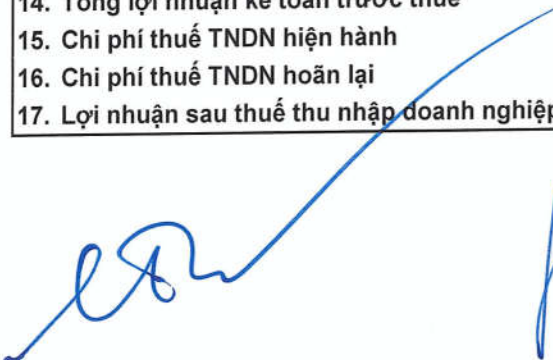
  
 Phan Thanh Hải  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 27 tháng 08 năm 2021




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		232.161.931.690	93.852.747.015
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	232.161.931.690	93.852.747.015
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	228.904.744.546	93.263.944.841
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.257.187.144	588.802.174
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	45.498.178.087	37.911.382.976
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	31.875.434.602	38.004.933.382
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		31.875.434.602	38.004.933.382
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	13.515.212.196	13.193.788.288
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.364.718.433	(12.698.536.520)
11. Thu nhập khác	31		5.736.000	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	8.344.275.411	11.093.982.229
13. Lợi nhuận khác	40		(8.338.539.411)	(11.093.982.229)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.973.820.978)	(23.792.518.749)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.973.820.978)	(23.792.518.749)

  
Trần Thị Thu Hằng  
Người lập biểu

  
Nguyễn Anh Dũng  
Kế toán trưởng

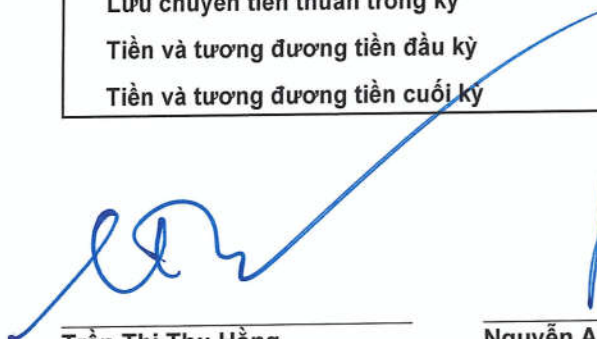
  
Phan Thanh Hải  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 08 năm 2021

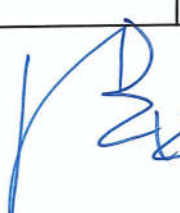


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(4.973.820.978)	(23.792.518.749)
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8.507.915.428	11.368.286.716
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(45.498.178.087)	(37.911.382.976)
Chi phí lãi vay	06	31.875.434.602	38.004.933.382
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>	<b>(10.088.649.035)</b>	<b>(12.330.681.627)</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(32.408.874.123)	2.907.581.146
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(3.161.552.283)	7.770.221.730
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	21.993.158.943	67.139.174.978
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	345.029.373	174.964.749
Tiền lãi vay đã trả	14	(25.974.467.817)	(19.337.940.635)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(9.900.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(49.295.354.942)</b>	<b>46.313.420.341</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.602.480.319	17.598.297.876
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>6.602.480.319</b>	<b>17.598.297.876</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	449.943.501.889	134.966.519.723
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(423.278.732.349)	(201.840.003.320)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>26.664.769.540</b>	<b>(66.873.483.597)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(16.028.105.083)</b>	<b>(2.961.765.380)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	17.715.260.358	4.830.725.375
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.687.155.275	1.868.959.995

  
Trần Thị Thu Hằng  
Người lập biểu

  
Nguyễn Anh Dũng  
Kế toán trưởng

  
**Phan Thanh Hải**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 08 năm 2021





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty LICOGI - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900 tỷ đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100106440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 01 năm 2018.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Số lượng cán bộ công nhân viên tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 154 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 236 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Thi công xây lắp: các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, bưu điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;
- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật).

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Đối với các hoạt động kinh doanh bất động sản của Tổng Công ty có chu kỳ sản xuất, kinh doanh thường kéo dài trên 12 tháng. Các hoạt động khác có chu kỳ kinh doanh với thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 đã được soát xét.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<b><u>Đơn vị</u></b>	<b><u>Địa chỉ</u></b>	<b><u>Hoạt động kinh doanh chính</u></b>
Văn phòng Tổng Công ty	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Chi nhánh LICOGI số 1	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Chi nhánh Vật liệu Xây dựng LICOGI	Hà Nội	Sản xuất vật liệu xây dựng

Thông tin về các Công ty con, Công ty liên kết của Tổng Công ty tại thuyết minh số V.12 và V.13

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN****Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tổng Công ty chính thức trở thành Công ty cổ phần từ ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tổng Công ty đã nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng công ty Licogi - CTCP và đã thực hiện điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính. Tuy nhiên, do một số vướng mắc của quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng công ty và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Tổng Công ty có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc được loại trừ toàn bộ khi lập báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Giả định về khả năng hoạt động liên tục**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, tổng nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.013.313.622.649 đồng, lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán riêng là 391.815.077.564 đồng, khả năng trả nợ của Tổng Công ty phụ thuộc vào các nguồn thu và nguồn tài trợ của các đối tác. Những vấn đề này là dấu hiệu cho thấy sự không chắc chắn mang tính chất trọng yếu về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán khoản nợ đến hạn (nếu cần) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Do đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Tổng Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)*****Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	02 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 15

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí công trình xây dựng, chi phí sản xuất kinh doanh khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về dịch vụ xuất khẩu lao động.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hợp đồng xây dựng (Tiếp theo)**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	25.892.870	28.754.930
Tiền gửi ngân hàng	1.661.262.405	17.686.505.428
<b>Cộng</b>	<b>1.687.155.275</b>	<b>17.715.260.358</b>

**2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng công trình 578	10.392.980.819	12.628.688.828
BQLDA Đầu tư Xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc	13.123.439.846	11.536.393.369
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	21.261.594.839
Công ty CP Thủy điện Đakđrinh	83.438.404.125	83.438.404.125
BQLDA Đầu Tư Xây Dựng Các Công Trình Dân Dụng và Công Nghiệp Tỉnh Quảng Ninh	17.556.357.000	86.465.013.000
Công ty Cổ phần LICOGI 13	54.444.535.985	7.076.078.970
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng Điện 6	16.082.376.299	2.564.242.874
Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Linh	15.638.625.365	8.137.263.083
Các đối tượng khác	121.441.329.975	134.230.428.638
<b>Cộng</b>	<b>353.379.644.253</b>	<b>367.338.107.726</b>

**b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan** (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)

**34.637.782.819                      34.307.782.819**



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân  
Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Licogi 15	10.418.284.976	10.322.757.198
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước - Licogi	36.904.637.393	36.904.637.393
Công ty Cổ phần Licogi 19	3.695.789.577	3.695.789.577
Công ty CP xây dựng công trình ngầm (VINAVICO)	13.938.143.368	1.107.739.074
Trả trước cho người bán khác	14.012.285.173	11.047.963.724
<b>Cộng</b>	<b>78.969.140.487</b>	<b>63.078.886.966</b>
<b>b) Trả trước ngắn hạn cho các bên liên quan</b> (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)	<b>54.972.153.694</b>	<b>54.641.821.686</b>

**4. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a) Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước (*)	1.600.000.000	1.600.000.000
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (**)	191.603.623.180	191.603.623.180
<b>Cộng</b>	<b>193.203.623.180</b>	<b>193.203.623.180</b>
<b>b) Phải thu về cho vay ngắn hạn là bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)	<b>193.203.623.180</b>	<b>193.203.623.180</b>

(\*) Khoản cho vay theo các hợp đồng số 05/2017/LICOGI-LMDN ngày 25 tháng 04 năm 2017, số tiền cho vay là 1.600.000.000 đồng, thời hạn của hợp đồng là 12 tháng, lãi suất cho vay thả nổi theo lãi suất ngân hàng thương mại từng thời kỳ, các hình thức đảm bảo tiền vay là nợ phải thu gói thầu TB02 - Công trình thủy điện Bắc Hà từ Công ty CP cơ khí Đông Anh Licogi theo cam kết thanh toán ba bên số 1904/2017/LICOGI/LMĐN/CKĐA ngày 19/04/2017. Theo phụ lục hợp đồng vay vốn trong kỳ, số tiền nợ và kỳ hạn trả nợ gốc của các hợp đồng được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

(\*\*) Khoản cho vay theo hợp đồng nguyên tắc số 04/2017/HĐVV/LICOGI-NỢĐT ngày 31 tháng 03 năm 2017, số tiền cho vay tối đa là 351.802.000.000 đồng, thời hạn cho vay tính từ ngày giải ngân đến 15 tháng 08 năm 2019. Đơn vị vay để thực hiện dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Lãi suất cho vay trong hạn thay đổi, lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ bằng 110% lãi suất nợ trong hạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

Theo các phụ lục hợp đồng vay vốn trong kỳ, số tiền nợ và kỳ hạn trả nợ gốc của các hợp đồng được gia hạn đến năm 2022, lãi suất 16%/năm

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Phải thu khác ngắn hạn</b>		
Phải thu về cổ phần hóa	3.628.215.586	3.628.215.586
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	81.392.979.000	58.494.339.800
Phải thu người lao động	2.760.253.332	2.969.238.604
Tạm ứng	24.815.647.456	24.539.776.396
Tạm ứng cho các bên liên quan khác	8.015.943.780	7.565.691.008
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (*)	115.450.061.531	99.998.942.598
Ban điều hành Nhà máy Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	25.493.403.949
Phải thu lãi vay Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt (**)	104.331.076.154	72.992.608.004
Phải thu khác	28.207.960.138	30.819.008.079
<b>Cộng</b>	<b>394.095.540.926</b>	<b>326.501.224.024</b>
<b>b. Phải thu khác ngắn hạn là bên liên quan</b>	<b>208.188.849.897</b>	<b>178.829.149.997</b>

*(Chi tiết xem tại thuyết minh VII.1)*

(\*) Khoản phải thu liên quan đến bàn giao dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt, các khoản Tổng Công ty cho Công ty con vay, tạm ứng để thực hiện dự án. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Tổng Công ty đã thực hiện phân loại khoản cho vay sang khoản mục "Phải thu về cho vay" với giá trị là 191.603.623.180 đồng.

(\*\*) Tổng giá trị khoản phải thu về chi phí lãi vay lũy kế đến ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 72,99 tỷ. Trong 6 tháng đầu năm 2021, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh hoặc phục vụ dự án với giá trị vốn hóa là 31,3 tỷ đồng vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09a - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****6. NỢ XẤU**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc có thể thu hồi VND
<b>a. Phải thu khách hàng</b>	<b>38.080.815.956</b>	<b>257.034.147</b>	<b>37.823.781.809</b>	<b>257.034.147</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	-	21.261.594.839	-
Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Đại Sơn	4.449.989.593	-	4.449.989.593	-
Công ty Cổ phần KT Đô thị Nam Thăng Long	1.982.135.768	-	1.982.135.768	-
Công trình Khu liên hợp thể thao Quốc gia	1.696.290.575	-	1.696.290.575	-
Phải thu khách hàng khác	8.690.805.181	257.034.147	8.433.771.034	257.034.147
<b>b. Phải thu khác</b>	<b>53.929.732.119</b>	<b>-</b>	<b>53.929.732.119</b>	<b>-</b>
Công ty Xây dựng 19	4.337.712.455	-	4.337.712.455	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác cảng	250.000.000	-	250.000.000	-
Ban điều hành Nhà máy Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	-	25.493.403.949	-
Ban điều hành Thủy điện Sơn La	407.283.893	-	407.283.893	-
Phải thu Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	6.079.942.000	-	6.079.942.000	-
Phải thu đối tượng khác	17.361.389.822	-	17.361.389.822	-
<b>c. Trả trước cho người bán</b>	<b>5.760.132.466</b>	<b>-</b>	<b>5.760.132.466</b>	<b>-</b>
Công ty Thiết bị Công nghệ XD Công nghệ mới	333.599.600	-	333.599.600	-
Công ty Cổ phần Licogi 13	440.835.303	-	440.835.303	-
Công ty Xây dựng số 19	3.695.789.577	-	3.695.789.577	-
Trả trước cho người bán khác	1.289.907.986	-	1.289.907.986	-
<b>Cộng</b>	<b>97.770.680.541</b>	<b>257.034.147</b>	<b>97.513.646.394</b>	<b>257.034.147</b>
				<b>97.513.646.394</b>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09a - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****7. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.491.494.418	(867.221.325)	1.477.113.370	(867.221.325)
Công cụ, dụng cụ	630.027.690	-	630.027.690	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	47.342.246.540	-	44.126.709.568	-
Thành phẩm	3.350.108	-	71.715.845	-
<b>Cộng</b>	<b>49.467.118.756</b>	<b>(867.221.325)</b>	<b>46.305.566.473</b>	<b>(867.221.325)</b>

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí phát sinh của các công trình đang trong quá trình xây dựng dở dang. Chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	VND	VND	VND
Dự án tuyến đường sắt đô thị số 1 TP.HCM - Ba Son	12.783.441.365	12.783.441.365	12.783.441.365	12.783.441.365
Công trình BIDV Nam Kỳ Khởi Nghĩa - gói 10	8.891.374.790	8.470.940.688	8.891.374.790	8.470.940.688
Dự án 423 Minh Khai	2.158.942.956	2.158.942.956	2.158.942.956	2.158.942.956
Các dự án khác	23.508.487.429	20.713.384.559	23.508.487.429	20.713.384.559
<b>Cộng</b>	<b>47.342.246.540</b>	<b>44.126.709.568</b>	<b>47.342.246.540</b>	<b>44.126.709.568</b>

**TÓNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09a - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>NGUYỄN GIÁ</b>									
Tại ngày đầu kỳ	44.237.661.211	388.007.807.975	22.494.228.696	1.753.909.145	456.493.607.027				
Phân loại lại	(1.357.365.162)	-	-	-	(1.357.365.162)				
Tại ngày cuối kỳ	42.880.296.049	388.007.807.975	22.494.228.696	1.753.909.145	455.136.241.865				
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>									
Tại ngày đầu kỳ	33.648.542.692	271.894.785.823	22.021.873.870	1.519.320.688	329.084.523.073				
Khấu hao trong kỳ	553.613.000	7.864.056.000	89.443.428	37.000.000	8.544.112.428				
Phân loại lại	(36.197.000)	-	-	-	(36.197.000)				
Tại ngày cuối kỳ	34.165.958.692	279.758.841.823	22.111.317.298	1.556.320.688	337.592.438.501				
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>									
Tại ngày đầu kỳ	10.589.118.519	116.113.022.152	472.354.826	234.588.457	127.409.083.954				
Tại ngày cuối kỳ	8.714.337.357	108.248.966.152	382.911.398	197.588.457	117.543.803.364				

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 170.564.772.951 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 168.483.853.003 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 110.497.655.122 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 117.004.417.041 đồng).

**9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỒI DANG DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314
<b>Cộng</b>	<b>4.589.571.314</b>	<b>4.589.571.314</b>	<b>4.589.571.314</b>	<b>4.589.571.314</b>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỜ DANG DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

Công trình Dự án Đầu tư Thủy điện Cẩm Thủy 2 do Tổng Công ty làm chủ đầu tư. Ngày 9 tháng 3 năm 2017, Hội đồng Quản trị có nghị quyết về việc không tiếp tục đầu tư vốn vào dự án Thủy điện Cẩm Thủy và chỉ đạo các phòng ban chủ động tìm phương án thu hồi vốn đã bỏ ra. Ngày 10 tháng 7 năm 2017, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ra thông báo số 131/TB-UBND, trong đó thống nhất tạm dừng các hoạt động của dự án thủy điện Cẩm Thủy 2 do Tổng Công ty đang thực hiện và chuyển sang cho các sở ban ngành quy hoạch và trình phê duyệt dự án thủy lợi, thủy điện Cẩm Hoàng. Đến nay, Tổng Công ty chưa nhận được văn bản nào khác của các cơ quan chức năng có liên quan đến dự án này.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN/DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	199.728.848	621.385.327
Chi phí trả trước khác	137.490.444	-
<b>Cộng</b>	<b>337.219.292</b>	<b>621.385.327</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa cải tạo	63.556.527	124.419.865
Chi phí trả trước khác	107.591.907	107.591.907
<b>Cộng</b>	<b>171.148.434</b>	<b>232.011.772</b>

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Công trình xây dựng trụ sở làm việc văn phòng cho thuê tại lô E7 đường Phạm Hùng (*)	9.671.801.536	9.671.801.536
Dự án tòa nhà văn phòng và nhà ở CBNV Licogi	583.545.455	583.545.455
<b>Cộng</b>	<b>10.255.346.991</b>	<b>10.255.346.991</b>

(\*) Dự án đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội thông qua thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, phương án thiết kế công trình và có công văn giới thiệu địa điểm lô E6 - Phạm Hùng (8.450 m<sup>2</sup>) để Tổng Công ty thực hiện dự án vào ngày 03 tháng 01 năm 2007.

Tổng Công ty đã đặt cọc tiền đất số tiền 8.450.000.000 đồng với giá 1.000.000 đồng/m<sup>2</sup> cho lô E6 - Phạm Hùng theo công văn số 2618/KH&ĐT ngày 13/12/2006.

Ngày 10/08/2007, Sở Quy Hoạch - Kiến trúc Hà Nội đã điều chỉnh, bố trí lại vị trí xây dựng dự án từ lô E6 sang lô E7 (diện tích khoảng 6.500 m<sup>2</sup>) và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp thuận về việc nghiên cứu lập dự án xây dựng trụ sở văn phòng tại khu đô thị mới Cầu Giấy theo công văn số 1987/QĐ-UBND ngày 11/11/2008.

Tới thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa tiếp tục được triển khai do các bên đầu tư cần phải điều chỉnh lại thiết kế và quy hoạch tổng thể, bổ sung một số chức năng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang cố gắng thống nhất kế hoạch thực hiện để tiếp tục triển khai dự án.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**MẪU SỐ B 09a - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ			
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Đông Anh	1.529.568	34.476.838.106	-	1.529.568	34.476.838.106	-
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	27.609.700	300.945.730.000	-	27.609.700	300.945.730.000	-
Công ty CP Tư vấn Licogi	288.000	3.177.150.487	-	288.000	3.177.150.487	-
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	2.563.566	38.178.368.992	-	2.563.566	38.178.368.992	-
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	1.226.400	16.855.532.723	(4.572.748.305)	1.226.400	16.855.532.723	(4.572.748.305)
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	675.240	10.110.056.968	-	675.240	10.110.056.968	-
Công ty CP Licogi 15	659.430	6.593.800.000	(6.593.800.000)	659.430	6.593.800.000	(6.593.800.000)
Công ty CP Licogi 17	563.290	10.393.670.213	(10.393.670.213)	563.290	10.393.670.213	(10.393.670.213)
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	2.257.150	22.571.500.000	(22.571.500.000)	2.257.150	22.571.500.000	(22.571.500.000)
Công ty CP Lắp máy Điện nước	1.027.750	10.277.500.000	(10.277.500.000)	1.027.750	10.277.500.000	(10.277.500.000)
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi		900.000.000.000	-		900.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2		90.000.000.000	-		90.000.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>1.443.580.147.489</b>	<b>(54.409.218.518)</b>		<b>1.443.580.147.489</b>	<b>(54.409.218.518)</b>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09a - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (TIẾP THEO)**

Thông tin về Công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Đồng Anh	Hà Nội	51,85%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
2	Công ty CP Cơ khí Đồng Anh Licogi	Hà Nội	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí
3	Công ty CP Tư vấn Licogi	Hà Nội	60,00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
4	Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	Đồng Nai	51,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
5	Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	64,77%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
6	Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	Đà Nẵng	57,71%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
7	Công ty CP Licogi 15	Thanh Hóa	64,65%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
8	Công ty CP Licogi 17	Hải Dương	56,33%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
9	Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Hà Nội	92,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
10	Công ty CP Lắp máy Điện nước	Hà Nội	89,92%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
11	Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Hà Nội	100,00%	Kinh doanh Bất động sản
12	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	Quảng Ninh	100,00%	Kinh doanh Bất động sản



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09a - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Công ty CP Thủy Điện Bắc Hà	29.113.083	301.991.630.000	-	301.991.630.000
Công ty CP Licogi 14	6.328.590	52.372.956.000	-	52.372.956.000
Công ty CP Licogi 19	190.000	1.999.068.969	-	1.999.068.969
<b>Cộng</b>		<b>356.363.654.969</b>		<b>356.363.654.969</b>

Thông tin về các Công ty liên kết tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty CP Thủy Điện Bắc Hà	Lào Cai	44,11%	Sản xuất và kinh doanh điện
2	Công ty CP Licogi 14	Phủ Thọ	25,94%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
3	Công ty CP Licogi 19	Hà Nội	22,62%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09a - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng	Giá gốc	Số lượng	Giá gốc
	CP	VND	CP	VND
Công ty CP Licogi 12	596.700	7.895.068.192	596.700	7.895.068.192
Công ty CP Licogi 13	2.717.573	25.001.671.600	2.717.573	25.001.671.600
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	1.518.750	10.530.000.000	1.518.750	10.530.000.000
Công ty CP Thủy điện Đăkđrinh	1.375.381	13.753.805.608	1.375.381	13.753.805.608
Công ty Cổ phần Đầu tư khu Công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn	300.000	780.000.000	300.000	780.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vinashin-Licogi	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Công ty CP Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
<b>Cộng</b>		<b>59.260.545.400</b>		<b>59.260.545.400</b>
				<b>(2.517.099.680)</b>
				<b>(2.517.099.680)</b>

Thông tin về các Công ty nhận đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 như sau:

STT	Tên Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty CP Licogi 12	Hà Nội	8,52%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
2	Công ty CP Licogi 13	Hà Nội	4,19%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
3	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	Hà Nội	4,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
4	Công ty CP Thủy điện Đăkđrinh	Quảng Ngãi	1,19%	Sản xuất và kinh doanh điện
5	Công ty Cổ phần Đầu tư khu Công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn	TP. Hồ Chí Minh	0,36%	Xây dựng công trình
6	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vinashin-Licogi	TP. Hồ Chí Minh	10,00%	Xây dựng chuyên dụng
7	Công ty CP Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	TP. Hồ Chí Minh	10,00%	Xây dựng công trình dân dụng

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09a - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****15. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Trái phiếu	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>-</b>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, khoản đầu tư dài hạn là 1.500 trái phiếu dài hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn với kì hạn 07 năm, lãi trái phiếu trả định kỳ 01 năm một lần với lãi suất tương đương 8%/năm.

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Cơ giới Xây lắp số 9	73.036.228.874	73.036.228.874	61.333.072.770	61.333.072.770
Công ty Cổ phần Licogi 13	43.829.717.457	43.829.717.457	47.639.540.387	47.639.540.387
Công ty Cổ phần Licogi 16	40.135.379.431	40.135.379.431	37.628.594.020	37.628.594.020
Công ty Cổ phần Licogi 17	73.411.101.927	73.411.101.927	20.026.318.820	20.026.318.820
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18.1	31.553.251.812	31.553.251.812	90.227.324.393	90.227.324.393
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	14.290.566.312	14.290.566.312	14.290.566.312	14.290.566.312
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	5.599.118.222	5.599.118.222	5.599.168.222	5.599.168.222
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	28.148.658.685	28.148.658.685	28.148.658.686	28.148.658.686
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	2.527.004.059	2.527.004.059	13.287.484.261	13.287.484.261
Công ty CP Đầu tư Du Lịch và Nông Nghiệp Công Nghệ Cao Quảng Bình	15.178.070.000	15.178.070.000	1.811.760.297	1.811.760.297
Phải trả cho các đối tượng khác	132.562.354.679	132.562.354.679	152.382.005.616	152.382.005.616
<b>Cộng</b>	<b>460.271.451.458</b>	<b>460.271.451.458</b>	<b>472.374.493.784</b>	<b>472.374.493.784</b>
<b>b) Các khoản phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan</b>	<b>185.446.403.012</b>	<b>185.446.403.012</b>	<b>122.385.595.752</b>	<b>122.385.595.752</b>

(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09a - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
81.000.000.000	81.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
48.013.572.691	48.013.572.691	30.707.123.540	54.986.000.000	54.986.000.000
30.707.123.540	30.707.123.540	5.553.391.592	30.707.123.540	30.707.123.540
5.553.391.592	5.553.391.592	5.246.722.907	5.553.391.592	5.553.391.592
5.246.722.907	5.246.722.907	7.100.387.192	5.246.722.907	5.246.722.907
7.100.387.192	7.100.387.192	177.621.197.922	2.457.390.521	2.457.390.521
<b>177.621.197.922</b>	<b>177.621.197.922</b>	<b>178.950.628.560</b>	<b>178.950.628.560</b>	<b>178.950.628.560</b>
<b>129.013.572.701</b>	<b>129.013.572.701</b>	<b>134.986.000.000</b>	<b>134.986.000.000</b>	<b>134.986.000.000</b>

**a) Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Công ty Cổ Phần Cơ Giới Và Xây Lắp Số 9  
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2  
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô - Dự án đề chấn sóng Dung Quất  
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất  
Công trình Nhà máy Đóng tàu Dung Quất  
Người mua trả tiền trước khác

**Cộng****b) Người mua trả tiền trước ngắn hạn là bên liên quan**

(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Giá trị VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND
307.940.141	307.940.141	51.957	-	307.992.098
<b>307.940.141</b>	<b>307.940.141</b>	<b>51.957</b>	<b>-</b>	<b>307.992.098</b>
18.271.861.728	18.271.861.728	26.271.097.658	26.271.097.658	18.271.861.728
1.171.464.234	1.171.464.234	-	-	1.171.464.234
1.364.326.734	1.364.326.734	774.028.539	53.291.000	643.589.195
94.241.000	94.241.000	171.066.000	144.711.000	67.886.000
-	-	100.247.488	100.247.488	-
80.724.700	80.724.700	80.644.800	68.222.400	68.302.300
27.272.296.611	27.272.296.611	7.010.559	7.010.559	27.272.296.611
<b>48.254.915.007</b>	<b>48.254.915.007</b>	<b>27.404.095.044</b>	<b>26.644.580.105</b>	<b>47.495.400.068</b>

**a) Các khoản phải thu**

Thuế giá trị gia tăng

**Cộng****b) Các khoản phải trả**

Thuế giá trị gia tăng

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập cá nhân

Thuế tài nguyên

Thuế nhà đất và tiền thuê đất

Thuế bảo vệ môi trường

Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

**Cộng**

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí lãi vay	148.217.481.826	115.845.535.384
Chi phí trích trước các công trình	69.076.656.522	69.201.756.321
Trong đó:		
- Công trình Suối chặn 2	26.794.598.660	26.794.598.660
- Công trình đại học quốc gia	18.340.877.589	18.340.877.589
- Dự án 20 Cộng Hòa	6.823.705.099	6.823.705.099
- Công trình thủy điện Bản Chát	7.343.716.979	7.598.262.434
- Dự án 423 Minh Khai	2.038.494.431	2.038.494.431
- Công trình khu liên hợp sản xuất Hòa Phát Dung Quất	7.735.263.764	7.605.818.108
Chi phí phải trả khác	23.680.987.154	22.352.614.325
<b>Cộng</b>	<b>240.975.125.502</b>	<b>207.399.906.030</b>
<b>b) Chi phí phải trả bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)	<b>108.292.714.729</b>	<b>96.530.880.106</b>

**20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN/DÀI HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Tài sản thừa chờ giải quyết	68.714.425	68.714.425
Kinh phí công đoàn	1.771.589.209	1.710.847.057
Bảo hiểm xã hội	10.896.067.926	9.168.338.114
Bảo hiểm y tế	779.986.286	766.620.200
Bảo hiểm thất nghiệp	971.004.024	872.933.068
Phải trả về CP hoá	14.112.595.415	14.112.595.415
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	7.500.000.000	7.500.000.000
Công ty CP Thủy điện Đakđrinh	1.377.818.141	1.377.818.141
Công ty TNHH Thanh Bình	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2 (*)	24.457.481.797	24.226.568.646
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu (chi phí lãi vay)	6.696.369.863	2.059.794.521
Các khoản khác	2.360.479.003	2.490.479.003
<b>Cộng</b>	<b>73.492.106.089</b>	<b>66.854.708.590</b>
<b>b) Phải trả dài hạn khác</b>		
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông (**)	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương (***)	165.000.000.000	165.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>225.000.000.000</b>
<b>c) Phải trả khác là bên liên quan</b> (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)	<b>91.957.481.797</b>	<b>91.726.568.646</b>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTPC**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09a - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN/ĐÀI HẠN KHÁC (TIẾP THEO)**

(\*) Khoản phải trả bao gồm phải trả về chi phí lãi vay của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2 và phải trả do nhận ứng trước từ hợp đồng số 04/2008/HĐĐTDC2-TL ngày 08/08/2008 về việc Tổng Công ty giao đất cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2 thực hiện triển khai dự án Thịnh Liệt.

(\*\*) Ngày 25 tháng 09 năm 2014, Tổng Công ty đã ký hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông, hiện là cổ đông lớn của Tổng Công ty. Đây là khoản đất cọc của Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông cho Tổng Công ty để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt.

(\*\*\*) Theo biên bản thỏa thuận ngày 30 tháng 06 năm 2018, Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương chuyển cho Tổng Công ty để bảo lãnh thực hiện hợp đồng liên quan đến thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo phụ lục hợp đồng số 18A/2017/HĐ-QLDA ngày 21/6/2017.

**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>455.532.141.164</b>	<b>455.532.141.164</b>	<b>250.644.209.748</b>	<b>276.363.500.939</b>	<b>481.251.432.355</b>	<b>481.251.432.355</b>
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm	100.160.006.947	100.160.006.947	63.618.510.113	63.430.696.617	99.972.193.451	99.972.193.451
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	10.844.167.616	10.844.167.616	-	22.703.978.987	33.548.146.603	33.548.146.603
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	294.826.416.400	294.826.416.400	134.954.149.434	138.054.719.987	297.926.986.953	297.926.986.953
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	49.701.550.201	49.701.550.201	52.071.550.201	52.174.105.348	49.804.105.348	49.804.105.348

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09a - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

	Số cuối kỳ			Trong kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Vay các đơn vị</b>	<b>479.329.485.259</b>	<b>479.329.485.259</b>	<b>196.577.000.000</b>	<b>131.000.000.000</b>	<b>413.752.485.259</b>	<b>413.752.485.259</b>	<b>413.752.485.259</b>	<b>413.752.485.259</b>	
- Công ty Cổ phần Azura	217.500.000.000	217.500.000.000	-	-	-	217.500.000.000	217.500.000.000	217.500.000.000	
- Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông	17.725.197.156	17.725.197.156	142.477.000.000	131.000.000.000	6.248.197.156	6.248.197.156	6.248.197.156	6.248.197.156	
- Công ty Cổ phần Dầu tư Xuân Cầu	85.000.000.000	85.000.000.000	-	-	-	85.000.000.000	85.000.000.000	85.000.000.000	
- Công ty Cổ phần Cơ Khí Đông Anh LICOGI	114.841.212.920	114.841.212.920	50.000.000.000	-	-	64.841.212.920	64.841.212.920	64.841.212.920	
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	11.641.339.779	11.641.339.779	-	-	-	11.641.339.779	11.641.339.779	11.641.339.779	
- Tập đoàn Sông Đà	8.500.000.000	8.500.000.000	-	-	-	8.500.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000	
- Các đơn vị khác	24.121.735.404	24.121.735.404	4.100.000.000	-	-	20.021.735.404	20.021.735.404	20.021.735.404	
<b>Vay cá nhân</b>	<b>51.004.164.613</b>	<b>51.004.164.613</b>	<b>2.722.292.141</b>	<b>10.947.310.252</b>	<b>59.229.182.724</b>	<b>59.229.182.724</b>	<b>59.229.182.724</b>	<b>59.229.182.724</b>	
<b>Cộng vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>	<b>985.865.791.036</b>	<b>985.865.791.036</b>	<b>449.943.501.889</b>	<b>418.310.811.191</b>	<b>954.233.100.338</b>	<b>954.233.100.338</b>	<b>954.233.100.338</b>	<b>954.233.100.338</b>	
<b>Cộng Nợ dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh số V.22)</b>	<b>4.967.921.158</b>	<b>4.967.921.158</b>			<b>9.935.842.316</b>	<b>9.935.842.316</b>	<b>9.935.842.316</b>	<b>9.935.842.316</b>	
<b>Tổng cộng</b>	<b>990.833.712.194</b>	<b>990.833.712.194</b>			<b>964.168.942.654</b>	<b>964.168.942.654</b>	<b>964.168.942.654</b>	<b>964.168.942.654</b>	
<b>b) Vay và nợ ngắn hạn là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.1)</b>	<b>144.207.749.855</b>	<b>144.207.749.855</b>			<b>82.730.749.855</b>	<b>82.730.749.855</b>	<b>82.730.749.855</b>	<b>82.730.749.855</b>	

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09a - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm theo hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-202001921 ngày 11 tháng 12 năm 2020. Hạn mức cấp tín dụng là 110.000.000.000 đồng. Trong đó, hạn mức cấp bảo lãnh là 10 tỷ VNĐ, hạn mức cấp bảo lãnh là 10 tỷ VNĐ. Lãi suất vay thả nổi, thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng là từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 08/12/2021. Thời hạn của khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là máy móc và thiết bị thuộc sở hữu của Tổng Công ty theo Hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS ngày 21/07/2016 và phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS-PL03.2020 ngày 25/11/2020 và cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 thuộc sở hữu của Tổng Công ty Licoji - CTCP.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 1480-LAV-201700283 ngày 31 tháng 10 năm 2017. Hạn mức tín dụng là 13.500.000.000 đồng. Lãi suất vay 8,5%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán tiền thi công. Tài sản bảo đảm bao gồm: Quyền đòi nợ đối với Công ty Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà theo HĐ thế chấp số 02/THN-L11 ngày 25/12/2015, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 28/12/2015 (Phạm vi bảo đảm cho dư nợ tối đa là 9.800.000.000 đồng); và 3 xe ô tô tự do, 2 máy xúc thủy lực bánh xích gầu nghịch, 3 xe ô tô Mix vận chuyển bê tông theo hợp đồng thế chấp số 02/THN-L11 ngày 25/12/2015, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 28/12/2015 (Phạm vi bảo đảm là 3.750.000.000 đồng). Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2021 là 10.844.167.616 đồng.
- (iii) Theo biên bản làm việc ngày 18 tháng 09 năm 2020, khoản vay sẽ được trả dần đến tháng 10/2022. Trường hợp thực hiện xong việc thoái vốn trước tháng 10/2022, Tổng Công ty LICOGI cam kết tất toán toàn bộ khoản vay ngay sau khi thoái vốn.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/134647/HĐTD ngày 02 tháng 03 năm 2021. Hạn mức cấp tín dụng là 397.000.000.000 đồng (gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ đã quy đổi), trong đó hạn mức cho vay là 297 tỷ đồng và hạn mức cấp bảo lãnh là 100 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức là kể từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 31/12/2021. Thời hạn của khoản vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là một số máy móc thiết bị và tài sản của Tổng Công ty.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 1300-LAV-202100540 ngày 07 tháng 06 năm 2021. Hạn mức cấp tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Lãi suất vay thả nổi. Thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng kết thúc ngày 07 tháng 06 năm 2022. Thời hạn của khoản vay tối đa theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo bao gồm: Hợp đồng cầm cố cổ phần số 1300-LCP-201900526 ngày 18/04/2019, số 1300-LCP-201900527, số 1300-LCP-201900528, số 1300-LCP-201900529 ngày 23/04/2019; và hợp đồng thế chấp tài sản số 1300-LCP-201900524 ngày 23/04/2019 (thế chấp máy khoan cọc nhồi Nippon Sharyo), và Hợp đồng cầm cố tài sản số 1300LCP201901465 ngày 30/12/2019.





**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**MẪU SỐ B 09a - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

- (v) Hợp đồng vay số 10\_2019/HĐV\_LICOGI ký ngày 22 tháng 04 năm 2019 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty Cổ phần AZURA nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường. Thời hạn vay là từ ngày 22/04/2019 đến ngày 22/07/2019. Tài sản đảm bảo là 28.650.727 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà, 4.169.061 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 14 và 2.717.573 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 13. Giá trị cổ phiếu theo hợp đồng là 610.282.747.060 đồng. Lãi suất vay tại ngày ký hợp đồng là 14%/năm.
- (vi) Các hợp đồng vay ký kết giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông với mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt. Lãi suất vay 8%/năm. Thời hạn vay của các hợp đồng tối đa là 12 tháng.
- (vii) Hợp đồng vay số 02/2017/HĐVV/LICOGI-XUAN CAU ký ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu nhằm phục vụ thanh toán nợ đến hạn Ngân hàng và các khoản nợ đến hạn khác của Tổng Công ty. Thời hạn vay là 09 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay tại thời điểm hiện tại là 11%/năm. Tài sản đảm bảo là 12.000.000 cổ phiếu Công ty CP Cơ khí Đông Anh.
- (viii) Phụ lục gia hạn Hợp đồng vay vốn số 06/PLHĐVV/LICOGI-XUANCAU ngày 04 tháng 01 năm 2021 gia hạn thời hạn vay từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.
- (viii) Bao gồm 3 hợp đồng vay:
  - Hợp đồng vay số 2509/2017/HĐVV/LICOGI-CKĐA ngày 25 tháng 09 năm 2017 kèm phụ lục hợp đồng vay vốn số 2509/2017/HĐVV/LICOGI-CKĐA ngày 29 tháng 06 năm 2018 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi nhằm bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay 9%/năm. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày 29/06/2018 theo phụ lục hợp đồng gia hạn. Tài sản đảm bảo là quyền hưởng cổ tức năm 2017 (nếu có) của Tổng Công ty Licogi - CTCP và số cổ phần tại Công ty Cổ phần Licogi 14 mà Tổng Công ty sở hữu theo hợp đồng thế chấp cổ phần số 03/2017/134677 ngày 25/09/2017 và tất cả các khoản phải thu hợp pháp của Tổng Công ty Licogi - CTCP. Số dư gốc vay tại thời điểm 30/06/2021 là 44.841.212.920 đồng.
  - Hợp đồng vay số 3105/2018/HĐVV/LICOGI-CKĐA ngày 31 tháng 05 năm 2018 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi nhằm bổ sung vốn lưu động và trả nợ ngân hàng, tổ chức khác. Lãi suất vay 9%/năm. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày bên cho vay chuyển tiền cho bên vay. Tài sản đảm bảo là Quyền hưởng cổ tức năm 2018 và 2019 (nếu có) của Tổng Công ty Licogi - CTCP tại Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi và tất cả các khoản phải thu hợp pháp của Tổng Công ty Licogi - CTCP. Số dư gốc vay tại thời điểm 30/06/2021 là 20.000.000.000 đồng.
  - Hợp đồng vay số 0802/2021/HĐVV/LICOGI-CKĐA ngày 08 tháng 02 năm 2021 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi nhằm trả nợ ngân hàng, các tổ chức tinh dụng và phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay 9%/năm. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày bên cho vay chuyển tiền cho bên vay hoặc đến khi bên cho vay chi trả cổ tức năm 2020 cho các cổ đông tùy thuộc điều kiện nào đến trước. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng cổ tức năm 2020 của Tổng Công ty Licogi - CTCP tại Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi và tất cả các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh và nguồn thu hợp pháp khác của Tổng Công ty Licogi - CTCP. Số dư gốc vay tại thời điểm 30/06/2021 là 50.000.000.000 đồng.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09a - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN (TIẾP THEO)**

- (ix) Hợp đồng vay vốn số 01/2018/HBVV/LICOGI-LICOGI 2 ngày 22 tháng 08 năm 2018 và phụ lục hợp đồng vay vốn số 06/2020/HĐVW/LICOGI-LICOGI 2 ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay tại thời điểm hiện tại là 4%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 22/02/2021 đến ngày 22/02/2022 theo phụ lục hợp đồng gia hạn. Tài sản bảo đảm là quyền hưởng lợi nhuận năm 2021 và các năm tiếp theo của Tổng Công ty Licogi - CTCP tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 và nguồn thu hợp pháp khác của Tổng Công ty Licogi - CTCP.
- (x) Hợp đồng tín dụng số 18/2011/HĐTD/TSCĐB-LICOGI ký ngày 30 tháng 12 năm 2011 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Tổng Công ty Sông Đà với số tiền 20.000.000.000 đồng nhằm mục đích đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Bắc Hà. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay 20%/năm. Các khoản vay được đảm bảo bằng cổ phiếu của một số đơn vị do Tổng Công ty nắm giữ.
- (xi) Bao gồm một số hợp đồng vay với cá nhân và các đơn vị khác. Cụ thể:
  - Hợp đồng vay số 304\_2018/HBV\_LICOGI kí ngày 31 tháng 05 năm 2018 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và ông Nguyễn Xuân Thắng nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày toàn bộ các khoản vay quy định trong hợp đồng được chuyển đầy đủ và tài khoản cho Tổng Công ty. Tài sản đảm bảo là 2.563.566 cổ phiếu thuộc sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty CP Cơ giới và xây lắp số 9 (Licogi 9). Lãi suất vay là 9%/năm. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 30/06/2021 là 20.000.000.000 đồng. Phụ lục số 04/2020/PLHĐ/LICOGI ngày 06 tháng 12 năm 2020 gia hạn thời hạn vay từ ngày 06/12/2020 đến 30/06/2021.
  - Hợp đồng vay số 01/HĐCV/TG-LICOGI ngày 12 tháng 05 năm 2021 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty CP TERRA GOLD với số tiền là 4.100.000.000 đồng nhằm mục đích thực hiện các hoạt động của bên vay phù hợp với pháp luật và không gây ảnh hưởng đến các lợi ích của bên cho vay. Lãi suất vay là 5%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày bên cho vay chuyển tiền cho bên vay. Tài sản đảm bảo là các khoản phải thu Tổng Công ty Licogi - CTCP phát sinh theo Hợp đồng thi công thầu phụ số 05/LICOGI/ISG/2016 ngày 10/08/2016 giữa Công ty CP Xây dựng và kinh doanh Địa ốc Hòa Bình và Tổng Công ty Licogi - CTCP và các phụ lục đính kèm, giá trị của tài sản thế chấp tại thời điểm ký kết Hợp đồng là 8.334.349.353 đồng. Số dư vay tính đến thời điểm 30/06/2021 là 4.100.000.000 đồng
  - Các khoản vay cá nhân chủ yếu là các khoản vay từ cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Lãi suất cho vay được áp dụng theo mức lãi suất Ngân hàng cho Tổng Công ty vay tại thời điểm vay vốn và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Trong năm, mức lãi suất chủ yếu được áp dụng là 9%/năm. Các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng.



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09a - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>						
<b>Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	4.967.921.158	4.967.921.158	-	4.967.921.158	9.935.842.316	9.935.842.316
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	4.967.921.158	4.967.921.158	-	4.967.921.158	9.935.842.316	9.935.842.316
<b>Vay các đơn vị</b>						
- Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông	189.460.000.000	189.460.000.000	-	-	189.460.000.000	189.460.000.000
	189.460.000.000	189.460.000.000	-	-	189.460.000.000	189.460.000.000
<b>Cộng</b>	<b>194.427.921.158</b>	<b>194.427.921.158</b>	<b>-</b>	<b>4.967.921.158</b>	<b>199.395.842.316</b>	<b>199.395.842.316</b>
<b>Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả</b>						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	4.967.921.158	4.967.921.158			9.935.842.316	9.935.842.316
	4.967.921.158	4.967.921.158			9.935.842.316	9.935.842.316
<b>Cộng các khoản vay dài hạn</b>	<b>189.460.000.000</b>	<b>189.460.000.000</b>			<b>189.460.000.000</b>	<b>189.460.000.000</b>
<b>b) Vay và nợ dài hạn là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.1)</b>	<b>189.460.000.000</b>	<b>189.460.000.000</b>			<b>189.460.000.000</b>	<b>189.460.000.000</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/2013/HĐTD ngày 16 tháng 09 năm 2013 với số tiền 88.982.600.000 đồng, thời hạn vay 8 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, lãi suất áp dụng theo thông báo lãi suất cho vay trung dài hạn của Ngân hàng tại thời điểm nhận nợ vay, được điều chỉnh 03 tháng/lần. Mục đích sử dụng tiền vay là đầu tư thiết bị khoan cọc nhồi và các thiết bị phục vụ theo Quyết định số 14A/12/QĐ-HĐTV-DTTB ngày 22 tháng 04 năm 2013 của hội đồng thành viên Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng v/v Phê duyệt dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị (Thiết bị khoan cọc nhồi và các thiết bị phụ trợ thi công nền móng). Tài sản bảo đảm là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có hình thành trong tương lai, toàn bộ số dư tiền gửi từ hoạt động sản xuất kinh doanh bằng tiền VND và ngoại tệ tại Ngân hàng và các TCTD khác, doanh thu chuyển về tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng. Số dư gốc vay tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2021 là 4.967.921.158 đồng.

(ii) Các hợp đồng vay giữa Tổng Công ty LicoGI - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh sản Khu Đông nhằm mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với số tiền 270.210.000.000 đồng. Lãi suất vay từ 8-10%/năm nhằm mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt. Theo các phụ lục hợp đồng, kỳ hạn trả nợ gốc của các hợp đồng được gia hạn đến năm 2022.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	900.000.000.000	(391.469.841.344)	508.530.158.656
Lợi nhuận tăng trong năm	-	4.628.584.758	4.628.584.758
Số dư đầu năm này	900.000.000.000	(386.841.256.586)	513.158.743.414
Lỗ trong kỳ	-	(4.973.820.978)	(4.973.820.978)
Số dư cuối kỳ này	900.000.000.000	(391.815.077.564)	508.184.922.436

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước	40,71%	366.406.910.000	40,71%	366.406.910.000
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh Bất động sản Khu Đông	35,00%	315.000.000.000	35,00%	315.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	19,24%	173.128.880.000	19,24%	173.128.880.000
Các cổ đông khác	5,05%	45.464.210.000	5,05%	45.464.210.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>900.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>900.000.000.000</b>

**c) Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>232.161.931.690</b>	<b>93.852.747.015</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa vật liệu xây dựng	198.532.401.050	82.203.052.936
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.526.372.240	1.494.788.699
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	31.103.158.400	10.154.905.380
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>232.161.931.690</b>	<b>93.852.747.015</b>
<b>Doanh thu với bên liên quan</b>	<b>10.494.474.156</b>	<b>36.780.383.376</b>
<i>(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)</i>		

17  
ÔN  
T  
IÊN  
U  
XU

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, vật liệu xây dựng	198.340.712.008	81.162.497.538
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	816.341.210	620.346.319
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	29.747.691.328	11.481.100.984
<b>Cộng</b>	<b>228.904.744.546</b>	<b>93.263.944.841</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.006.287.008	15.539.511.376
Cổ tức lợi nhuận được chia	29.491.891.079	22.371.871.600
<b>Cộng</b>	<b>45.498.178.087</b>	<b>37.911.382.976</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	31.875.434.602	38.004.933.382
<b>Cộng</b>	<b>31.875.434.602</b>	<b>38.004.933.382</b>

**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí đồ dùng văn phòng	78.762.878	498.137.183
Chi phí nhân viên quản lý	8.409.403.943	9.156.269.315
Chi phí khấu hao tài sản cố định	352.332.000	682.442.666
Thuế, phí, lệ phí	259.310.800	337.131.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.745.945.657	1.689.547.447
Chi phí bằng tiền khác	1.669.456.918	830.260.477
<b>Cộng</b>	<b>13.515.212.196</b>	<b>13.193.788.288</b>

**6. CHI PHÍ KHÁC**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản bị phạt	256.631.210	404.144.272
Khấu hao tài sản đang dừng hoạt động	7.990.030.000	9.636.302.876
Thanh lý tài sản cố định	-	1.053.535.081
Chi phí khác	97.614.201	-
<b>Cộng</b>	<b>8.344.275.411</b>	<b>11.093.982.229</b>

**7. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu", Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****8. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	947.051.401	2.357.012.276
Chi phí nhân công	10.151.825.853	11.105.237.521
Chi phí khấu hao tài sản cố định	517.885.428	1.731.983.840
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.747.872.651	6.214.615.953
Chi phí khác bằng tiền	2.305.402.381	866.314.737
<b>Cộng</b>	<b>49.670.037.714</b>	<b>22.275.164.327</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và vật liệu Đông Anh	Công ty con
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	Công ty con
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	Công ty con
Công ty Cổ phần Licogi 15	Công ty con
Công ty Cổ phần Licogi 17	Công ty con
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Công ty con
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy Điện Bắc Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Licogi 14	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Licogi 19	Công ty liên kết
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và các cổ đông lớn	Điều hành Công ty

**Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>a. Bán hàng</b>	<b>10.494.474.156</b>	<b>36.780.383.376</b>
Công ty Cổ phần Licogi 15	300.000.000	-
Công ty CP Licogi 17	44.727.273	-
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	218.181.818	31.820.560.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	9.931.565.065	4.959.823.376
<b>b. Mua hàng</b>	<b>98.012.013.623</b>	<b>-</b>
Công ty CP Licogi 17	58.284.759.403	-
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	31.995.356.177	-
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	7.731.898.043	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo)

<b>c. Lãi cho vay</b>	<b>15.996.899.940</b>	<b>16.075.108.085</b>
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	15.451.118.933	15.528.799.300
Công ty Cổ phần Licogi 15	95.527.778	96.055.556
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	450.253.229	450.253.229
<b>d. Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>	<b>28.434.166.079</b>	<b>21.162.271.600</b>
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	19.326.790.000	19.326.790.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	5.535.526.879	-
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và vật liệu Đông Anh	3.059.136.000	1.835.481.600
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	512.713.200	-

Số dư với các bên liên quan như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>34.637.782.819</b>	<b>34.307.782.819</b>
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	1.381.840.156	1.381.840.156
Công ty Cổ phần Thủy Điện Bắc Hà	4.804.043.818	4.804.043.818
Công ty Cổ phần Licogi 15	362.118.558	32.118.558
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	27.662.534.224	27.662.534.224
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	427.246.063	427.246.063
<b>Các khoản người mua trả tiền trước</b>	<b>129.013.572.701</b>	<b>134.986.000.000</b>
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	48.013.572.691	54.986.000.000
Công ty Cổ phần Cơ Giới và Xây Lắp Số 9	81.000.000.010	80.000.000.000
<b>Phải thu tạm ứng cho các bên liên quan</b>	<b>8.015.943.780</b>	<b>7.565.691.008</b>
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	101.180.973	101.180.973
Công ty CP Licogi 15	1.749.532.230	1.749.532.230
Công ty CP Licogi 19	713.413.162	713.413.162
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	69.910.000	69.910.000
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	-	457
Công ty CP Lắp máy Điện nước	5.381.907.415	4.931.654.186
<b>Cổ tức phải thu</b>	<b>81.094.629.000</b>	<b>58.195.989.800</b>
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	74.546.190.000	55.219.400.000
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	2.207.520.000	2.207.520.000
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	1.281.783.000	769.069.800
Công ty CP Tấm lợp - VLXD Đông Anh	3.059.136.000	-
<b>Phải thu CP hóa các công ty con, liên kết</b>	<b>3.628.215.586</b>	<b>3.628.215.586</b>
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	-	-
Công ty CP Lắp máy Điện nước	3.916.293	3.916.293
Công ty CP Licogi 19	3.624.299.293	3.624.299.293
<b>Phải thu khác</b>	<b>115.450.061.531</b>	<b>109.439.253.603</b>
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	115.450.061.531	99.998.942.598
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	-	9.440.311.005

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân  
Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>185.446.403.012</b>	<b>122.385.595.752</b>
Công ty Cổ phần Licogi 17	73.411.101.927	20.026.318.820
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	13.639.430.249	15.666.562.200
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	14.290.566.312	14.290.566.312
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	73.036.228.874	61.333.072.770
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	6.915.433.684	6.915.433.684
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	1.667.728.886	1.667.728.886
Công ty Cổ phần Licogi 14	1.432.899.716	1.432.899.716
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	1.013.804.678	1.013.804.678
Công ty Cổ phần Licogi 15	39.208.686	39.208.686
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>54.972.153.694</b>	<b>54.641.821.686</b>
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	3.887.983.181	3.653.178.951
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	36.904.637.393	36.904.637.393
Công ty Cổ phần Licogi 15	10.418.284.976	10.322.757.198
Công ty Cổ phần Licogi 19	3.695.789.577	3.695.789.577
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	65.458.567	65.458.567
<b>Chi phí phải trả</b>	<b>108.292.714.729</b>	<b>96.530.880.106</b>
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	3.176.804.865	3.176.804.865
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	664.690.242	869.168.258
Công ty Cổ phần Licogi 15	5.636.965.542	5.636.965.542
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	14.176.309.517	15.202.721.144
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	6.212.912.781	1.491.347.897
Công ty CP Lắp máy Điện nước	30.541.489.500	30.541.489.500
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	1.833.814.437	1.833.814.437
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	681.494.043	681.494.043
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh BĐS Khu Đông	45.368.233.802	37.097.074.420
<b>Các khoản phải trả khác</b>	<b>91.957.481.797</b>	<b>91.726.568.646</b>
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	7.500.000.000	7.500.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	24.457.481.797	24.226.568.646
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	60.000.000.000	60.000.000.000
<b>Các khoản vay</b>	<b>333.667.749.855</b>	<b>272.190.749.855</b>
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông	207.185.197.156	195.708.197.156
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	114.841.212.920	64.841.212.920
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	11.641.339.779	11.641.339.779
<b>Các khoản cho vay</b>	<b>193.203.623.180</b>	<b>193.203.623.180</b>
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	1.600.000.000	1.600.000.000
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	191.603.623.180	191.603.623.180
<b>Cộng</b>	<b>1.749.633.849.522</b>	<b>1.538.972.882.698</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Thu nhập, thù lao và các khoản phụ cấp của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Thù lao, phụ cấp của các thành viên Hội đồng Quản trị</b>	<b>546.789.120</b>	<b>659.409.120</b>
1. Ưng Tiến Đỡ	170.400.000	170.420.000
2. Phan Thanh Hải	180.000.000	180.000.000
3. Nguyễn Thanh Hợp	40.200.000	153.620.000
4. Nguyễn Danh Quân	156.189.120	155.369.120
<b>Thu nhập của Tổng Giám đốc</b>	<b>418.591.428</b>	<b>412.271.430</b>
1. Phan Thanh Hải	133.983.188	130.443.190
2. Phan Đức Hùng	142.689.120	142.099.120
3. Phan Lan Anh	141.919.120	139.729.120
<b>Cộng</b>	<b>965.380.548</b>	<b>1.071.680.550</b>

**2. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

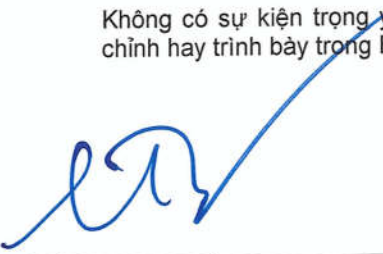
Tổng Công ty ký hợp đồng với Sở Địa chính - Nhà đất Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 146-2003/ĐCND-HĐTĐTN tại nhà G1, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, Hà Nội với mục đích làm trụ sở làm việc và điều hành sản xuất trong 30 năm từ ngày 01/01/2003. Diện tích khu đất thuê là 1.928 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà Nước.

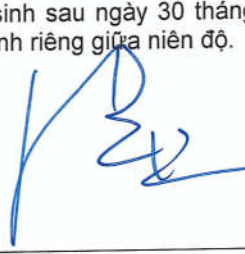
**3. KIẾN TỤNG, TRANH CHẤP PHÁP LÝ**

Trong năm 2012, Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô ("Công ty Lũng Lô") đã khởi kiện Tổng Công ty liên quan đến khoản tiền mà Công ty Lũng Lô đã ứng trước cho Tổng Công ty để thực hiện dự án đề chấn sóng Nhà máy lọc dầu Dung Quất theo hợp đồng số 08.1/HĐKT - LCC-Licogi. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã có quyết định theo bản án số 101/2018/KDTM - PT ngày 14 tháng 08 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng xây dựng, Tổng Công ty phải hoàn trả Công ty Lũng Lô 19.206.866.091 đồng tiền tạm ứng thừa và 12.656.798.538 đồng tiền lãi chậm trả. Ngày 23 tháng 01 năm 2019, Tổng Công ty có đơn đề nghị xem xét bản án theo thủ tục giám đốc thẩm và hoãn thi hành án. Đơn đề nghị đã được chấp thuận theo quyết định số 02/QĐ-CCTHADS ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân và giấy biên nhận đơn đề nghị xem xét lại bản án kinh doanh thương mại của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 25 tháng 04 năm 2019. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Tổng Công ty đang ghi nhận khoản phải trả cho Công ty Lũng Lô là 30.707.123.540 đồng. Tổng Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh các khoản phải trả này vào Báo cáo tài chính khi có quyết định cuối cùng của tòa án.

**4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2021 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

  
Trần Thị Thu Hằng  
Người lập biểu

  
Nguyễn Anh Dũng  
Kế toán trưởng



  
Phan Thanh Hải  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 08 năm 2021